

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **85/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: **21/8/2023**
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi
con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Mên
- Ông Bùi Thanh Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C: Ông Tô Minh Phú- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân quận C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 170/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023; về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 368/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Tăng Thị Tuyết S**; sinh năm 2001. ĐKTT: Số 11A/1 Khu vực S, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Mai Anh T**; sinh năm 1992. ĐKTT: Số 11A/1 Khu vực S, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ liên hệ: 146 đường C, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Tăng Thị Tuyết S cho rằng:

Bà và ông Mai Anh T sau khi quen biết, tìm hiểu nhau được 01 năm thì tự nguyện kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận C vào ngày 16/10/2019.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại nhà cha mẹ ruột của bà tại số 11A/1 Khu vực S, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. Vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường cự cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng gay gắt, đến khoảng tháng 02/2023, ông T về nhà cha mẹ nuôi của ông T tại số 146 đường C, phường A, quận N sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Nay bà nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này được nữa nên yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống các bên sau này.

Về con chung: Có 01 con chung là Mai Tấn P (nam); sinh ngày 26/12/2020. Con hiện đang sống chung với bà. Bà yêu cầu tiếp tục nuôi con, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Mai Anh T vắng mặt.

Sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy: bà S yêu cầu ly hôn, còn ông T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến thể hiện mong muốn hàn gắn đoàn tụ lại; hơn nữa, từ khi ly thân đến nay vẫn không có động thái nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà S được ly hôn với ông T.

+ Về con chung: Có 01 con chung là Mai Tấn P (nam); sinh ngày 26/12/2020. Đề nghị giao con cho bà S tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà S yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng nhưng ông T vắng mặt, không có ý kiến về mức cấp dưỡng bà S đưa ra nên không có cơ sở buộc ông T cấp dưỡng nuôi con theo mức cấp dưỡng bà S yêu cầu. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông T cấp dưỡng nuôi con, với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

+ Về tài sản chung và nợ: Bà S cho rằng không có; tuy nhiên, do ông T vắng mặt nên chưa giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Tăng Thị Tuyết S và ông Mai Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, mặc dù quan hệ hôn nhân của ông bà xác lập trên cơ sở tự nguyện, xuất phát từ tình yêu của hai bên. Tuy nhiên, sau khi chung sống thì cả hai xảy ra bất đồng quan điểm; lẽ ra, cả hai vợ chồng phải cùng nhau dung hòa những bất đồng này, nhường nhịn lẫn nhau và cùng nhau phát triển kinh tế gia đình để xây dựng hôn nhân tiến bộ và bền vững nhưng ông bà không làm được điều đó nên dẫn đến hôn nhân đổ vỡ là điều tất yếu. Nay bà S yêu cầu yêu cầu ly hôn, còn ông T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến nào thể hiện có nguyện vọng hàn gắn đoàn tụ lại; bên cạnh đó, xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, ông T vẫn không có động thái nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lại. Vì vậy, thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Tăng Thị Tuyết S được ly hôn với ông Mai Anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là Mai Tấn P (nam); sinh ngày 26/12/2020. Bà S có yêu cầu nuôi con, còn ông T vắng mặt, không thể hiện nguyện vọng được nuôi con; ngoài ra, con hiện đang dưới 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét xử cần giao con cho bà S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Do ông T không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà S yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng; thấy rằng: Ông T vắng mặt, không có ý kiến về mức cấp dưỡng theo yêu cầu của bà S nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, cần buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, mức cấp dưỡng 900.000đ/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực đến khi con đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông T theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ: Bà S cho rằng không có; còn ông T vắng mặt nên chưa làm rõ được; ngoài ra, do hiện tại chưa có ai nộp đơn yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ nên chưa giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà S phải chịu 300.000đ án phí tranh chấp hôn nhân gia đình; ông T phải chịu 300.000đ án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Tăng Thị Tuyết S.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Cho bà Tăng Thị Tuyết S được ly hôn với ông Mai Anh T.

2. **Về con chung:** Có 01 con chung là Mai Tấn P (nam); sinh ngày 26/12/2020.

Giao con cho bà Tăng Thị Tuyết S tiếp tục nuôi dưỡng.

Buộc ông Mai Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng 900.000đ (Chín trăm ngàn đồng)/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực đến khi con đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông Mai Anh T theo quy định pháp luật, không ai được ngăn cản.

3. **Về tài sản chung và nợ:** Chưa giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Tăng Thị Tuyết S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí về tranh chấp hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0003258 ngày 16/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ. Bà S đã nộp xong án phí.

Ông Mai Anh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết đối với nguyên đơn và bị đơn; các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. C;
- **UBND P. H, Q. C;**
- Chi cục T.H.A Q. C;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang